

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa
với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hén đến đường tỉnh 514.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hén đến đường tỉnh 514;

Căn cứ Kết luận số 432-KL/TU ngày 03/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hén đến đường tỉnh 514 và đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hén đến đường tỉnh 514;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 2751/QĐ-UBND ngày 01/7/2024, số 1579/QĐ-UBND ngày 31/5/2026, số 1739/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hén đến đường tỉnh 514; số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư các tiểu dự án giải phóng mặt bằng đối với 05 dự án do Sở Xây dựng làm Chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 260/TTr-SXD ngày 18/7/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến đường tỉnh 514 (kèm theo báo cáo thẩm định số 8154/SXD-HĐXD ngày 18/7/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến đường tỉnh 514 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Lý do điều chỉnh:

Dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến đường tỉnh 514 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 10/7/2026. Do đó, để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo thì việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

2. Nội dung điều chỉnh dự án

2.1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ “*Hoàn thành trong năm 2026*” thành “*Hoàn thành trong năm 2027*”; cụ thể:

- Hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 31/12/2026.

- Hoàn thành thi công xây dựng, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng trước ngày 31/12/2027.

2.2. Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng do thay đổi địa giới hành chính cấp xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; cụ thể:

- Điều chỉnh, cập nhật tên địa danh điểm đầu, điểm cuối dự án:

Từ “Điểm đầu Km0+426 là điểm cuối nút giao Nỏ Hèn của dự án Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ Cảng hàng không đi khu kinh tế Nghi Sơn (Km0+00 tại tâm nút giao Nỏ Hèn) thuộc địa phận xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn; Điểm cuối Km12+539 là điểm cuối nút giao với đường tỉnh 514 (bao gồm cả nút giao với đường tỉnh 514 tại Km11+700), thuộc địa phận xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn.”.

Thành “Điểm đầu Km0+426 là điểm cuối nút giao Nỏ Hèn của dự án Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ Cảng hàng không đi khu kinh tế Nghi Sơn (Km0+00 tại tâm nút giao Nỏ Hèn) thuộc địa phận xã Đồng Tiến; Điểm cuối Km12+539 là điểm cuối nút giao với đường tỉnh 514 (bao gồm cả nút giao với đường tỉnh 514 tại Km11+700), thuộc địa phận xã Hợp Tiến.”.

- Điều chỉnh, cập nhật tên địa danh thực hiện dự án: Từ “*Thuộc địa phận huyện Triệu Sơn và Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa*” thành “*Thuộc địa phận các xã Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du, tỉnh Thanh Hóa*”.

2.3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án: Tổng mức đầu tư xây dựng (TMĐT) sau điều chỉnh là **1.502 tỷ đồng** (*Một nghìn, năm trăm linh hai tỷ đồng*); trong đó:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	389.482.000	937.034.000	547.552.000
1.1	Đoạn qua xã Đồng Tiến	389.482.000	1.514.000	547.552.000
1.2	Đoạn qua xã An Nông		8.700.000	
1.3	Đoạn qua xã Tân Ninh		266.947.000	
1.4	Đoạn qua xã Hợp Tiến		585.273.000	
1.5	Đoạn qua xã Xuân Du		74.600.000	
2	Chi phí xây dựng	480.206.000	480.206.000	0
3	Chi phí QLDA	5.924.000	6.103.000	179.000
4	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	17.759.000	16.305.000	-1.454.000
5	Chi phí khác	12.196.000	4.357.000	-7.839.000
6	Chi phí dự phòng	66.420.000	57.995.000	-8.425.000
Tổng mức đầu tư		971.987.000	1.502.000.000	530.013.000

(Chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

2.4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư phần xây dựng), Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (đơn vị quản lý dự án), UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du (Chủ đầu tư các Tiểu dự án thực hiện công tác giải phóng mặt bằng) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

- Giao Sở Xây dựng căn cứ kế hoạch vốn giao, thời gian thực hiện dự án được phê duyệt, thời gian cần thiết thực hiện phân khối lượng còn lại và trách

nhệm của các bên được quy định tại các hợp đồng đã ký làm cơ sở điều chỉnh tiến độ thực hiện của các gói thầu; đảm bảo tuân thủ thời gian thực hiện dự án được phê duyệt (hoàn thành trước ngày 31/12/2027); đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định của mình. Trong quá trình thực hiện việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu, phải làm việc với nhà thầu để phân khai, bóc tách các công việc chậm tiến độ do các nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý các vấn đề phát sinh theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký và đúng với các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các chi phí của dự án, đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Giao UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du tập trung giải phóng mặt bằng dự án theo đúng kế hoạch đã cam kết; bảo đảm hoàn thành toàn bộ công tác giải phóng mặt bằng trước ngày 31/12/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các Quyết định: Số 2751/QĐ-UBND ngày 01/7/2024, số 1579/QĐ-UBND ngày 31/5/2026, số 1739/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã: Đồng Tiến, An Nông, Tân Ninh, Hợp Tiến và Xuân Du; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH
Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hổ đến đường tỉnh 514
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Nghìn Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đã bao gồm cả dự phòng)		937.034.000	389.482.000	547.552.000
1	Phần khối lượng đã hoàn thành, phê duyệt quyết toán đến ngày 30/6/2025	Theo Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND huyện Triệu Sơn (cũ)	68.889.000	389.482.000	547.552.000
1.1	Đoạn qua địa phận xã Đồng Tiến	Theo Văn bản số 1724/UBND-KT ngày 15/7/2026 của UBND xã Đồng Tiến	1.514.000		
1.2	Đoạn qua địa phận xã An Nông	Theo Văn bản số 1346/UBND-KT ngày 16/7/2026 của UBND xã An Nông	7.985.000		
1.3	Đoạn qua địa phận xã Tân Ninh	Theo Văn bản số 1901/UBND-KT ngày 17/7/2026 của UBND xã Tân Ninh	54.197.000		
1.4	Đoạn qua địa phận xã Hợp Tiến	Theo Văn bản số 1857/UBND-KT ngày 16/7/2026 của UBND xã Hợp Tiến	5.193.000		
2	Phần khối lượng hoàn thành sau ngày 01/7/2025		868.145.000		
2.1	Đoạn qua địa phận xã An Nông	Theo Văn bản số 1346/UBND-KT ngày 16/7/2026 của UBND xã An Nông	715.000		
2.2	Đoạn qua địa phận xã Tân Ninh	Theo Văn bản số 1901/UBND-KT ngày 17/7/2026 của UBND xã Tân Ninh	212.750.000		
2.3	Đoạn qua địa phận xã Xuân Du	Theo Văn bản số 1240/UBND-KT ngày 16/7/2026 của UBND xã Xuân Du	74.600.000		
2.4	Đoạn qua địa phận xã Hợp Tiến	Theo Văn bản số 1857/UBND-KT ngày 16/7/2026 của UBND xã Hợp Tiến	540.926.000		
2.5	Chi phí di dời hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng (Xác định cho toàn bộ dự án)		39.154.000		

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
II	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	480.206.000	480.206.000	-
1	Phần khối lượng đã thi công hoàn thành được nghiệm thu thanh toán đến trước ngày 31/12/2023	Theo hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành dự án	185.197.000	480.206.000	-
2	Phần khối lượng chưa thi công hoàn thành sau khi cập nhật giá vật liệu, nhiên liệu, nhân công	Dự toán chi tiết	295.009.000		
III	Chi phí Quản lý dự án	1,398% x 436.550.909	6.103.000	5.924.000	179.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng		16.305.000	17.759.000	-1.454.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT	Theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	53.000	53.000	-
2	Chi phí giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT		71.000	71.000	-
3	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cắm cọc GPMB và MLG	Theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.058.745	3.254.000	-195.255
4	Chi phí cắm cọc GPMB và MLG		496.628	800.000	-303.372
5	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường		178.000	178.000	-
6	Chi phí khảo sát bước lập BVTC		1.386.069	1.300.000	86.069
7	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán		4.471.534	4.941.000	-469.466
8	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC		37.834	36.000	1.834
9	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC		50.916	48.000	2.916
10	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán		455.026	552.000	-96.974
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1,060% x 436.550.909	4.627.000	5.090.000	-463.000
12	Chi phí giám sát môi trường khi thi công	Theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày	200.000	200.000	-

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
13	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	100.000	100.000	-
14	Chi phí kiểm định, đánh giá chất lượng công trình		1.000.000	1.000.000	-
15	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm công trình)		100.000	100.000	-
16	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng		19.000	36.000	-17.000
V	Chi phí khác		4.357.000	12.196.000	-7.839.000
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,129% x0,5x 564.966.000	365.000	748.000	-383.000
2	Chi phí kiểm toán độc lập	0,186% x1,1x 564.966.000	1.159.000	2.363.000	-1.204.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	Theo Hợp đồng thi công xây dựng số 11/2020/HĐXD ngày 18/9/2020	937.000	1.201.000	-264.000
4	Chi phí thi công rà phá bom mìn	Phụ lục hợp đồng số 01 gói thầu số 3.2 (rà phá bom mìn, vật nổ) tháng 12/2020	1.269.900	1.245.000	144.725
5	Chi phí khảo sát lập phương án rà phá bom mìn	Theo Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	57.952		
6	Chi phí giám sát thi công rà phá bom mìn		61.873		
7	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	100.000	100.000	-
8	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng		10.000	18.000	-8.000
9	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu		50.000	50.000	-

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
10	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	Theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	200.000	200.000	-
11	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		49.000	49.000	-
12	Phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán		97.630	92.000	5.630
13	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường		-	6.130.000	-6.130.000
VI	Chi phí dự phòng (không bao gồm GPMB)		57.995.000	66.420.000	-8.425.000
1	Dự phòng cho phần khối lượng phát sinh	8,57% x 506.971.107	43.445.000	51.608.000	-8.163.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,87% x 506.971.107	14.550.000	14.812.000	-262.000
Tổng mức đầu tư (I+II+III+IV+V+VI)			1.502.000.000	971.987.000	530.013.000